

Số: 4415/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2013

SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP	
ĐẾN	Số: 4452/13/UBND
	Ngày: 8/6/2013

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết

xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000

khu dân cư phường 17, quận Bình Thạnh

ý c: ADI, VAM
PKTT, HTKT → lphê UPS
TT. TS 1/2000
đề: 65/1/10

08/5/13
← me

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 6014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Bình Thạnh;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 557/TTr-SQHKT ngày 25 tháng 02 năm 2013 về trình duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 17, quận Bình Thạnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 17, quận Bình Thạnh, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích và tính chất khu vực quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Đông và Đông Nam : giáp đường Xô Viết Nghệ Tĩnh.

+ Phía Nam và Tây Nam : giáp rạch Thị Nghè.

+ Phía Bắc và Tây Bắc : giáp đường Điện Biên Phủ.

- Diện tích khu vực quy hoạch : 63,88 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: khu dân cư hiện hữu cải tạo kết hợp các dự án xây dựng mới, nhằm bổ sung thêm các công trình công cộng, công viên cây xanh phục vụ dân cư khu vực. Trong khu dân cư phường 17, quận Bình Thạnh có các khu chức năng khác ngoài đơn vị ở như: công trình công cộng, đất giao thông đối ngoại, đất cây xanh cảnh quan, sông rạch và đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

2. Cơ quan tổ chức lập đề án quy hoạch phân khu: Ban Quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh

3. Đơn vị tư vấn lập đề án quy hoạch phân khu: Viện Quy hoạch Xây dựng - Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đề án quy hoạch phân khu:

- Thuyết minh tổng hợp;

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000.

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2000, bao gồm:

* Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông.

* Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải, xử lý chất thải rắn.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000.

+ Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ quy hoạch giao thông, Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2000, bao gồm:

* Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt.

* Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng.

* Bản đồ quy hoạch cấp nước.

* Bản đồ thoát nước thải và xử lý chất thải rắn.

* Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.

+ Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.

5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

5.1. Dự báo quy mô dân số trong khu vực quy hoạch: 30.500 người

5.2. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu	m ² /người	20,94
B	Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở trung bình toàn khu	m ² /người	15,0
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong các đơn vị ở		
1	- Đất nhóm nhà ở, trong đó:	m ² /người	8,50
	+ Đất nhóm nhà ở hiện hữu ổn định	m ² /người	13,33
	+ Đất nhóm nhà ở trong khu vực hiện hữu thực hiện quy hoạch cải tạo chính trang.	m ² /người	8,03
	+ Đất ở trong các khu đất sử dụng hỗn hợp kết hợp với đất ở hiện hữu cải tạo	m ² /người	8,38
2	Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở, trong đó:	m ² /người	1,2
	+ Đất công trình giáo dục		0,8
	+ Trạm y tế	m ² /người	0,004
	+ Trung tâm hành chính	m ² /người	0,026
	+ Trung tâm thương mại - dịch vụ trong khu hỗn hợp	m ² /công trình m ² /người	0,403
4	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (bao gồm cây xanh trong nhóm nhà ở)	m ² /người	0,3
5	- Đất đường giao thông cấp phân khu vực	m ² /người	5,0

D	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị			
	Đất giao thông bố trí đến mạng lưới đường khu vực (từ đường khu vực trở lên), kể cả giao thông tĩnh	%	36,15	
	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	1.500 - 2.000	
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1,0 - 1,5	
E	Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu			
	Mật độ xây dựng chung	%	≤ 70	
	Hệ số sử dụng đất	lần	0,5 - 8,0	
	Tầng cao xây dựng	Tối đa		35
		Tối thiểu		2

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

6.1. Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch:

Toàn khu vực quy hoạch được phân chia làm 2 đơn vị ở và các khu chức năng cấp đô thị nằm ngoài đơn vị ở, được xác định như sau:

6.1.1. Các đơn vị ở:

- Đơn vị ở 1: diện tích 42,68 ha, dân số 18.157 người, giới hạn bởi đường Điện Biên Phủ, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh và đường Ngô Tất Tố nối dài.

- Đơn vị ở 2: diện tích 21,2ha, dân số 12.343 người, giới hạn bởi đường Điện Biên Phủ, đường Ngô Tất Tố nối dài và rạch Thị Nghè.

a) Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở (diện tích 45,75ha): bao gồm:

a.1) Các khu chức năng xây dựng nhà ở (nhóm nhà ở): tổng diện tích 25,86 ha, trong đó:

- Khu ở (nhóm nhà ở) hiện hữu ổn định: tổng diện tích 9,63 ha.

- Khu ở (nhóm nhà ở) trong khu vực hiện hữu thực hiện quy hoạch cải tạo chỉnh trang (phá dỡ công trình hiện hữu để xây dựng mới): tổng diện tích 13,99 ha.

- Khu chức năng sử dụng hỗn hợp (chức năng ở kết hợp dịch vụ - thương mại,...): tổng diện tích 4,9 ha.

a.2) Khu chức năng dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở: tổng diện tích 3,77 ha, bao gồm:

- Khu chức năng giáo dục: tổng diện tích 2,45 ha, trong đó:

+ Trường mầm non: 1,03 ha, gồm 3 trường mầm non hiện hữu là: Mầm non Thiên Anh (0,24 ha), mầm non Anh Minh (0,71 ha), Mầm non phường 17 (0,08 ha).

+ Trường tiểu học Hồng Hà hiện hữu: diện tích 0,65 ha.

+ Trường trung học cơ sở (dự kiến xây dựng mới): diện tích 0,77 ha.

- Khu chức năng trung tâm hành chính cấp phường: dự kiến xây dựng mới diện tích 0,08 ha.

- Khu chức năng y tế (trạm y tế): trạm y tế hiện hữu có diện tích 0,012 ha.

a.3) Khu chức năng cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi) trong khu hỗn hợp: tổng diện tích 0,99 ha.

a.4) Mạng lưới đường giao thông cấp phân khu vực: tổng diện tích 15,13 ha.

b) Các khu chức năng ngoài đơn vị ở nằm đan xen trong đơn vị ở

b.1) Khu chức năng dịch vụ đô thị (cấp đô thị): tổng diện tích 4,48 ha, trong đó:

- Khu chức năng giáo dục (trường trung học phổ thông): trường trung học phổ thông Gia Định hiện hữu: diện tích 0,39 ha.

- Khu công trình công cộng xây dựng mới: diện tích 3,69 ha.

- Trường Đại học Thủy lợi : diện tích 0,4 ha.

- Công trình tôn giáo : diện tích 3,91 ha.

b.2) Khu cây xanh ven rạch Thị Nghè: diện tích 0,3 ha.

b.3) Mạng lưới đường giao thông đối ngoại: diện tích 7,96 ha.

b.4) Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật (trạm biến điện): diện tích 0,18 ha.

b.5) Khu công trình tôn giáo: diện tích 3,91 ha.

b.6) Sông rạch: diện tích 1,3 ha.

6.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất các đơn vị ở	45,75	71,62
1	Đất các nhóm nhà ở	25,86	40,48
	- Đất các nhóm nhà ở hiện hữu, trong đó:		
	+ Đất các nhóm nhà ở hiện hữu cải tạo	9,63	15,08
	+ Đất nhóm nhà ở hiện hữu, kết hợp xây dựng mới	13,99	21,90
	- Đất các nhóm nhà ở trong các khu đất sử dụng hỗn hợp kết hợp với đất ở hiện hữu cải tạo	2,24	3,51
2	Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	3,77	5,90
	- Đất giáo dục	2,45	3,84
	+ Trường mầm non	1,03	
	+ Trường tiểu học	0,65	
	+ Trường trung học cơ sở	0,77	
	- Đất Trung tâm hành chính cấp phường	0,88	0,13
	- Đất y tế (trạm y tế)	0,01	0,02
	- Đất thương mại dịch vụ trong khu đất sử dụng hỗn hợp	1,23	1,93

3	Đất cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi sử dụng công cộng trong nhóm ở và trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	0,99	1,55
4	Đất đường giao thông cấp phân khu vực	15,13	23,69
B	Đất ngoài đơn vị ở	18,13	28,38
	- Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đô thị	8,39	13,13
	+ Đất công trình công cộng xây mới	3,69	
	+ Đất trường phổ thông trung học hiện hữu	0,39	
	+ Trường đại học	0,40	
	+ Đất tôn giáo	3,91	
	- Đất giao thông đối ngoại	7,96	12,46
	- Đất cây xanh cảnh quan	0,3	0,47
	- Đất sông rạch	1,30	2,04
	- Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật (trạm biến điện)	0,18	0,28
	- Đất tiểu thủ công nghiệp	-	-
Tổng cộng		63,88	100

6.3. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị trong các đơn vị ở:

Đơn vị ở	Cơ cấu sử dụng đất Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị					
		Diện tích (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số sử dụng đất (lần)
					tối thiểu	tối đa	
Đơn vị ở I (diện tích: 42,68 ha; quy mô dân số: 18.157 người)	1. Đất đơn vị ở	28,52	15,7	70	1	35	8
	1.1. Đất nhóm nhà ở	14,6	8,1	70	3	35	8
	+ Đất nhóm nhà ở hiện hữu cải tạo	6,12		70	3	4	2,8
	+ Đất nhóm nhà ở hiện hữu kết hợp xây dựng mới	6,3		60	3	15	5
	+ Đất các nhóm nhà ở trong các khu đất sử dụng hỗn hợp kết hợp với đất ở hiện hữu cải tạo	2,22		40	12	35	8
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị	3,75	2,07	40	1	4	1,6
	- Đất giáo dục	2,45	1,35	40	1	4	1,6
	+ Trường mầm non hiện hữu	1,03		35	1	2	0,7
+ Trường tiểu học hiện hữu	0,65		35	2	3	1,05	

	+ Trường trung học cơ sở xây mới	0,77		40	3	4	1,6
	- Đất hành chính	0,08		35	2	3	1,05
	- Đất y tế	0,01		35	2	3	1,05
	- Đất thương mại - dịch vụ trong khu đất hỗn hợp	1,21		40	3	5	2
	1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi sử dụng công cộng trong nhóm ở và trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	0,98	0,3				
	1.4. Đất giao thông	9,15	5,0				
	2. Đất ngoài đơn vị ở	14,16					
	2.1. Đất công trình dịch vụ cấp đô thị	7,92					
	2.2. Đất giao thông đối ngoại	6,06					
	2.3. Đất đầu mối hạ tầng	0,18					
Đơn vị ở II (diện tích: 21,2 ha Quy mô dân số: 12.343 người)	1. Đất đơn vị ở	17,23	14,0	70	1	35	8
	1.1. Đất nhóm nhà ở	11,2	9,1	70	3	35	8
	+ Đất nhóm nhà ở hiện hữu cải tạo	3,51		70	3	4	2,8
	+ Đất nhóm nhà ở hiện hữu kết hợp xây dựng mới	7,69		60	3	15	5
	+ Đất các nhóm nhà ở trong các khu đất sử dụng hỗn hợp kết hợp với đất ở hiện hữu cải tạo	0,023		40	12	35	8
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị	0,02	0,016	40	3	5	2
	- Đất thương mại - dịch vụ trong khu đất hỗn hợp	0,02		40	3	5	2
	1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu đất sử dụng hỗn hợp	0,01	0,01				
	1.4. Đất giao thông	5,98	4,845				
	2. Đất ngoài đơn vị ở	3,97					
	2.1. Đất công trình dịch vụ cấp đô thị	0,47					
	2.2. Đất giao thông đối ngoại	1,9					
	2.3. Đất cây xanh cảnh quan	0,3					
	2.4. Đất sông rạch	1,3					

Cơ cấu sử dụng đất trong các khu đất có chức năng sử dụng hỗn hợp

Ký hiệu	Cơ cấu các loại đất trong khu đất sử dụng hỗn hợp	Diện tích khu đất sử dụng hỗn hợp (ha)	Tỷ lệ các khu chức năng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (%)
I - 1	Đất khu hỗn hợp	0,69	100,0
	Đất nhóm nhà ở	0,32	45,7
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	0,14	20,2
	Đất giao thông nội bộ	0,06	9,1
	Đất trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, ngân hàng, tài chính, khách sạn, văn phòng, dịch vụ khác v.v...	0,17	25,0
I - 3	Đất khu hỗn hợp	0,99	100,0
	Đất nhóm nhà ở	0,45	45,7
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	0,20	20,2
	Đất giao thông nội bộ	0,09	9,1
	Đất trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, ngân hàng, tài chính, khách sạn, văn phòng, dịch vụ khác v.v...	0,25	25,0
I - 9	Đất khu hỗn hợp	2,27	100,0
	Đất nhóm nhà ở	1,04	45,7
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	0,46	20,2
	Đất giao thông nội bộ	0,21	9,1
	Đất trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, ngân hàng, tài chính, khách sạn, văn phòng, dịch vụ khác v.v...	0,57	25,0
I - 20	Đất khu hỗn hợp	0,3	100,0
	Đất nhóm nhà ở	0,14	45,7
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	0,06	20,2
	Đất giao thông nội bộ	0,02	9,1
	Đất trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, ngân hàng, tài chính, khách sạn, văn phòng, dịch vụ khác v.v...	0,08	25,0
I - 23	Đất khu hỗn hợp	0,2	100,0
	Đất nhóm nhà ở	0,09	45,7
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	0,04	20,2
	Đất giao thông nội bộ	0,02	9,1
	Đất trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, ngân hàng, tài chính, khách sạn, văn phòng, dịch vụ khác v.v...	0,05	25,0
I - 33	Đất khu hỗn hợp	0,4	100,0
	Đất nhóm nhà ở	0,18	45,7
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	0,08	20,2
	Đất giao thông nội bộ	0,04	9,1

	Đất trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, ngân hàng, tài chính, khách sạn, văn phòng, dịch vụ khác v.v...	0,10	25,0
II - 7	Đất khu hỗn hợp	0,05	100,0
	Đất nhóm nhà ở	0,02	40,0
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	0,01	20,0
	Đất trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, ngân hàng, tài chính, khách sạn, văn phòng, dịch vụ	0,02	40,0

7. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

7.1. Bố cục không gian kiến trúc toàn khu:

- Khu vực quy hoạch được tổ chức không gian tuân thủ theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Bình Thạnh đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Các không gian cao tầng, không gian mở, điểm nhìn thu hút được phân bố trên các trục đường lớn (trục đường Điện Biên Phủ, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh); các khu vực hiện hữu được khuyến khích cải tạo, tổ chức lại một cách ngăn nắp, trật tự, tạo nên hình ảnh của một đô thị hiện đại, văn minh.

Nguyên tắc định hướng, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Khu hỗn hợp (ở - thương mại - văn phòng): là khu vực kêu gọi dự án đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng tầng cao, giảm mật độ xây dựng, nâng cấp bộ mặt cảnh quan kiến trúc đô thị khu vực; các khu hỗn hợp bố trí tập trung tại đơn vị ở 1, dọc trục đường Điện Biên Phủ, tầng cao từ 12 - 35 tầng, bố cục kiến trúc công trình theo dạng khối liên kết để tạo cảnh quan cho trục đường chính.

- Các khu vực hiện hữu cải tạo chỉnh trang: là loại hình nhà ở chủ yếu của khu vực quy hoạch, các công trình trong khu vực này chủ yếu là nhà liên kế với diện tích nhỏ. Việc chỉnh trang đô thị sẽ dựa vào các quyết định quản lý các khu vực hiện hữu của Ủy ban nhân dân thành phố hiện hành, hình thức kiến trúc khuyến khích theo hướng hiện đại, phù hợp khí hậu nhiệt đới.

- Khu nhà ở hiện hữu kết hợp với xây dựng mới: chủ yếu tập trung dọc đường Ngô Tất Tố nối dài, nhằm kêu gọi đầu tư dự án xây dựng nhà ở xen cài trong khu nhà ở hiện hữu, phục vụ tái định cư và kinh doanh; kết hợp việc mở đường giao thông và nâng cấp cảnh quan kiến trúc đô thị 2 bên đường. Tầng cao xây dựng công trình 3 - 15 tầng, bố cục kiến trúc công trình xây dựng mới theo dạng các đơn nguyên được ghép với nhau một cách hợp lý, sinh động, kết hợp với những khoảng xanh nhỏ xen cài, sân, bãi đậu xe. Kiến trúc khang trang, hiện đại, các dãy nhà được bố trí chủ yếu theo hướng Đông Nam.

- Các công trình công cộng (công trình giáo dục và các công trình công cộng cấp đô thị) tập trung dọc đường Xô Viết Nghệ Tĩnh với hình thức kiến trúc và mặt đứng quy mô, đa dạng phong phú, ưu tiên quay ra trục đường chính, tạo cảnh quan và sầm uất cho khu vực, đảm bảo bán kính phục vụ cho khu vực và đáp ứng nhu cầu cho các khu lân cận trong tương lai.

- Khoảng cây xanh dọc rạch Thị Nghè tạo mặt thoáng trong khu dân cư, tạo môi trường sinh thái trong lành, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

7.2. Các yêu cầu về tổ chức và bảo vệ cảnh quan, khu vực cấm và hạn chế xây dựng:

- Các khu đất dọc các sông rạch, cần phải tuân thủ qui định về chỉ giới sông và không được xây dựng trong phạm vi này. Đối với rạch Thị Nghè: chỉ giới sông là 20m.

- Khu vực cấm xây dựng: các khu vực nằm trong chỉ giới xây dựng đường bộ, nút giao thông, chỉ giới xây dựng đường sông và khoảng cách ly an toàn đường điện.

8. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

8.1. Quy hoạch giao thông đô thị:

a) Định hướng chung:

Trên cơ sở các tuyến đường chính, đường khu vực hiện hữu, dự kiến xây dựng mới các đường liên khu vực, đường khu vực và đường nội bộ bổ sung nối kết các khu chức năng quy hoạch, tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh.

- Dự kiến nâng cấp và mở rộng 2 trục đường chính hiện hữu: đường Điện Biên Phủ, dự kiến mở rộng thành 12 làn xe cơ giới và 4 làn xe tổng hợp, lộ giới 120m (tìm đường về hướng Bắc 50m, về hướng Nam 70m) và đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, dự kiến nâng cấp mở rộng 5 - 6 làn xe, lộ giới 30m.

- Nâng cấp và mở rộng 3 tuyến đường khu vực nội bộ bao gồm đường Trường Sa, Phan Văn Hân, Nguyễn Cửu Vân theo lộ giới quy định (16m).

- Xây dựng mới đường Phan Xích Long nối dài, lộ giới 25m, Nguyễn Đình Chiểu nối dài, lộ giới 16 - 20m, đường dọc cống hộp, đường ngang N1, có lộ giới 12 - 16m.

- Tuyến số 4 đi theo hành lang đường Điện Biên Phủ; tuyến số 1 đi theo hành lang rạch Thị Nghè. Tuyến xe điện ngầm số 3B đi dưới hành lang đường Xô Viết Nghệ Tĩnh. Ngoài ra còn có tuyến xe điện ngầm số 5 (đoạn gần vòng xoay Hàng Xanh - ngoài ranh quy hoạch).

b) Chiều dài, chiều rộng mạng lưới đường quy hoạch.

Tổng chiều dài mạng lưới đường: 6.855m, trong đó:

- Đường chính: 2.793m (bao gồm đường Điện Biên Phủ, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh).

- Đường khu vực và đường nội bộ: 4.062m (bao gồm đường Trường Sa, đường Phan Văn Hân, đường Phan Xích Long nối dài, đường Nguyễn Cửu Vân, đường N1, đường Nguyễn Đình Chiểu nối dài)

- Chiều rộng mặt đường bình quân: 22,2m, trong đó:

+ Đường chính bình quân : 42,0m.

+ Đường khu vực, nội bộ bình quân : 8,5m.

Số TT	Tên đường	Giới hạn		Lộ giới (mét)	Chiều rộng(mét)			Chi giới xây dựng (mét)	
		Từ	Đến		Via hè trái	Lòng đường	Via hè phải	Lề trái	Lề phải
1	Điện Biên Phủ	Rạch Thị Nghè	Nút Hàng xanh	120	6	8(12)23(2) 23(32)8	6	-	0-6
2	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Rạch Thị Nghè	Nút Hàng xanh	30	6	18	6	0-6	-
3	Trường Sa	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Điện Biên Phủ	16	4	8	4	-	0-6
4	Phan văn Hân	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Điện Biên Phủ	16	4	8	4	0-6	0-6
5	Ngô Tất Tố nối dài	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Điện Biên Phủ	25	5	15	5	0-6	0-6
6	Nguyễn Cửu Vân	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Điện Biên Phủ	16	4	8	4	0-6	0-6
7	Đường N1	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Điện Biên Phủ	12	3	6	3	0-6	0-6
8	Nguyễn Đình Chiểu nối dài	Trường Sa	Phan văn Hân	20	4,5	11	4,5	0-6	0-6
		Phan văn Hân	Ngô Tất Tố nối dài	16	4	8	4	0-6	0-6
9	Đường dọc công hộp	Trường Sa	Nguyễn Cửu Vân	16	4	8	4	0-6	0-6

Ghi chú: (12), (2), (32) là dãy phân cách

c) Mật độ đường.

- Mật độ lưới đường quy hoạch đạt 8,45 km/km² (nếu kể các đường trong khu ở 12,42km/km²).

- Diện tích giao thông: 23,09 ha (kể cả các tuyến đường đối ngoại), chiếm tỷ lệ 36,15 % diện tích chung, trong đó:

+ Giao thông đối ngoại : 7,96ha (chiếm tỷ lệ 12,46%).

+ Giao thông đối nội : 15,13ha (chiếm tỷ lệ 23,69%).

d) Các yếu tố kỹ thuật khác.

- Nút giao thông chính:

+ Dự kiến 2 nút giao thông chính gồm nút giao đường Điện Biên Phủ - đường Xô Viết Nghệ Tĩnh và nút giao đường Điện Biên Phủ - đường Phan Xích Long nối dài. Quy mô diện tích 0,76 ha (tính trong ranh quy hoạch) và hình thức nút giao như sau:

+ Nút giao đường Điện Biên Phủ - đường Xô Viết Nghệ Tĩnh: vòng xoay có tiêu đảo dẫn hướng (giai đoạn đầu), bán kính không chế R = 100m. Xây dựng cầu vượt theo hướng đường Điện Biên Phủ ưu tiên cho dòng xe đi thẳng. Tuyến xe điện ngầm số 5 theo định hướng đi dưới hành lang đường Điện Biên Phủ vòng qua nút trong phạm vi không chế nút giao. Phạm vi không chế sẽ được cập nhật sau khi dự án thiết kế tuyến xe điện ngầm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Nút giao đường Phan Xích long nối dài - đường Điện Biên Phủ theo hình thức giao nhau trực thông có 3 tầng: tầng 1 là đường Điện Biên Phủ, tầng 2 là đường Phan Xích Long nối dài, tầng 3 là đường trên cao số 4. Hành lang bảo vệ cầu vượt trên đường Phan Xích Long nối dài, dự kiến khoảng lùi xây dựng là 7m.

+ Các nút giao thông khác được tổ chức giao nhau cùng mức với bán kính triển lè $R = 12-15m$.

- Các yếu tố kỹ thuật khác:

+ Tuyến đường trên cao số 1 theo hành lang Nhiều Lộc - Thị Nghè dự kiến vượt trên các cầu Điện Biên Phủ, cầu Thị Nghè (hiện hữu) và cầu Nguyễn Đình Chiểu nối dài (dự kiến), tuyến đường trên cao được tổ chức giao nhau trực thông tại các vị trí cầu và bố trí trên tầng 2 (tại các vị trí cầu được tính là tầng 1).

+ Diện tích giao thông là $230.900 m^2$ (chỉ tính trong ranh khu vực quy hoạch), trong đó:

* Mặt đường : $106.356m^2$.

* Lè đường (kể cả dải phân cách) : $118.302m^2$.

* Nút giao thông (tính trong ranh) : $6.242m^2$.

*** Lưu ý:**

- Khoảng lùi xây dựng thay đổi từ 0 - 6m tùy tầng cao và chức năng công trình. Khoảng lùi được căn cứ theo thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc đô thị và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

- Việc thể hiện các đường quy hoạch giao thông nhỏ hơn 12m trên các bản đồ quy hoạch chỉ mang tính chất tham khảo.

- Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m thuộc quy hoạch hẻm, trong quá trình triển khai các dự án đầu tư, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh sẽ căn cứ theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố để xác định cụ thể.

- Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m không thuộc quy hoạch hẻm, trong quá trình triển khai các dự án đầu tư sẽ căn cứ trên điều kiện hiện trạng, nhu cầu và phương án tổ chức giao thông theo đề xuất, phù hợp theo quy định.

- Việc thể hiện tọa độ mốc thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố quy hoạch và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa nhằm phục vụ quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh và đơn vị tư vấn sẽ chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu cập nhật này.

8.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

a) Quy hoạch chiều cao:

- Chọn cao độ khống chế cho toàn khu vực là $H = 2,0m$ (hệ VN2000).

- Giải pháp quy hoạch:

+ Khu vực có nền đất $\geq 2,0\text{m}$ (chủ yếu tập trung trên đường Điện Biên Phủ): chỉ hoàn thiện mặt phủ khi xây dựng công trình.

+ Khu hiện hữu cải tạo giữ lại có nền đất $< 2,0\text{m}$ (ven rạch): khuyến cáo nâng dần nền đất lên cao độ $2,0\text{m}$ khi có điều kiện.

+ Khu xây dựng mới có nền đất $< 2,0\text{m}$: nâng nền triệt để, đảm bảo cao độ xây dựng $\geq 2,0\text{m}$.

- Hướng đổ dốc: từ giữa các tiểu khu ra xung quanh.

b) Quy hoạch thoát nước mặt:

- Giải pháp thoát nước: thoát chung hệ thống nước mặt và nước thải.

- Tổ chức thoát nước:

+ Về lưu vực thoát nước: Khu quy hoạch được chia làm 3 lưu vực chính

* Lưu vực dọc đường Điện Biên Phủ: tập trung thoát ra tuyến cống hiện hữu $\text{Ø}1200$ và cống hộp (2000×2000) trên đường Điện Biên Phủ.

* Lưu vực dọc đường Xô Viết Nghệ Tĩnh: tập trung thoát ra cống hộp ($1600 \times 1200 - 1600 \times 1600$) trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh.

* Lưu vực trung tâm: thoát ra cống hộp (cống 1600×2000 hiện hữu - 2500×2000 dự kiến thay thế rạch Phan Văn Hân) theo dự án cải tạo rạch Phan Văn Hân.

+ Cống hiện trạng: Cải tạo mạng lưới thoát nước hiện trạng trong khu vực.

+ Cống quy hoạch xây dựng mới: Xây dựng các tuyến cống dọc theo các trục đường dự phóng hoặc thay thế các cống hiện trạng không còn đảm bảo khả năng thoát nước.

+ Cống dự án: Cập nhật các tuyến cống thuộc dự án vệ sinh môi trường thành phố (cống hộp $1600 \times 1200 - 1600 \times 1600$ trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh).

- Nguồn thoát nước: tập trung thoát ra rạch Thị Nghè tiếp giáp với khu quy hoạch về phía Nam.

- Các thông số kỹ thuật mạng lưới:

+ Kích thước cống xây mới biến đổi từ $\text{Ø} 500\text{mm}$ đến $\text{Ø}1000\text{mm}$, cống hộp 1600×1200 , 1600×1600 , 2500×2000 .

+ Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ dốc cống đảm bảo khả năng tự làm sạch $I \geq 1/D$, độ sâu chôn cống tối thiểu $0,7\text{m}$.

* Lưu ý: cần thể hiện rõ cao độ nền hiện hữu trong bản vẽ.

8.3. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: $2.500 \text{ KWh/ người/năm}$.

- Nguồn điện được cấp từ trạm $110/15-22\text{KV}$ Xa lộ.

- Cải tạo các trạm biến áp $15/0,4\text{KV}$ hiện hữu, tháo gỡ các trạm ngoài trời, có công suất thấp, vị trí không phù hợp với quy hoạch.

- Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV, sử dụng máy biến áp 3 pha, dung lượng $\geq 400\text{KVA}$, loại trạm phòng.

- Cải tạo mạng trung thế hiện hữu, giai đoạn đầu nâng cấp lên 22KV, dài hạn sẽ được thay thế bằng cáp ngầm

- Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, chôn ngầm trong đất.

- Hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium 150 ÷ 250W – 220V, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

8.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: nguồn nước máy thành phố, từ nhà máy nước Thủ Đức, dựa trên các tuyến ống hiện hữu, bổ sung thêm nguồn nước máy từ nhà máy nước BOO Thủ Đức thông qua tuyến $\text{Ø}400$ đường Xô Viết Nghệ Tĩnh.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.

- Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy: 20 lít/s/đám cháy, số đám cháy đồng thời: 2 đám cháy (theo TCVN 2622-1995).

- Tổng nhu cầu dùng nước: 11.060 - 13.270 m^3 /ngày.

- Mạng lưới cấp nước: các tuyến ống cấp nước chính trong khu quy hoạch được nối với nhau tạo thành 6 vòng cấp nước chính nhằm đảm bảo cấp nước được an toàn và liên tục cho mạng cấp nước. Từ các vòng cấp nước sẽ phát triển tiếp các tuyến ống nhánh $\text{Ø}100$ kết nối với tuyến ống cấp nước hiện trạng tạo thành các vòng cấp nước hoàn chỉnh.

8.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

a) Thoát nước thải:

- Giải pháp thoát nước bản: Khu vực quy hoạch thuộc quận Bình Thạnh nằm trong lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè, do đó sử dụng hệ thống cống thoát nước chung để thoát nước mưa và nước thải cho khu quy hoạch. Nước thải trong lưu vực này được tập trung vào hệ thống cống chung sau đó được tách ra bằng giếng tách dòng. Tuyến cống bao chính đi qua khu quy hoạch sẽ thu gom nước thải từ giếng tách dòng dẫn đến trạm bơm cách khu quy hoạch khoảng 600m.

- Nước thải trong khu quy hoạch chủ yếu là nước thải sinh hoạt, dịch vụ công cộng, tiểu thủ công nghiệp. Trước khi thoát vào cống, nước thải từ khu vệ sinh phải được xử lý bằng bể tự hoại ba ngăn đúng quy cách.

- Giai đoạn đầu: nước thải được xử lý sơ bộ tại trạm bơm Văn Thánh trước khi xả ra sông Sài Gòn.

- Giai đoạn dài hạn: Nước thải được chuyển về nhà máy xử lý Nhiêu Lộc - Thị Nghè xử lý đạt loại A TCVN 6772-2000.

- Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.

- Tổng lượng nước thải: 8.235 - 10.706 m^3 /ngày.

- Mạng lưới thoát nước: Các tuyến cống bao nhánh có đường kính Ø400 - Ø600 có chức năng thu nước thải từ giếng tách dòng thoát vào cống bao chính dọc kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè. Giếng tách dòng được đặt ở hạ lưu của các tuyến cống chính (2000 x 2000) trên đường Điện Biên Phủ, (2500 x 2000) trên đường Nguyễn Đình Chiểu nổi dài, (1600 x 1600) trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh.

b) Xử lý rác thải:

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,2 kg/người/ngày.

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 36,6 tấn/ngày.

- Phương án thu gom và xử lý rác: Rác thải được thu gom mỗi ngày và đưa đến trạm ép rác kín của quận. Sau đó vận chuyển đưa về các Khu Liên hiệp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

8.6. Quy hoạch Thông tin liên lạc:

- Nhu cầu điện thoại cố định: 29 - 32 máy/100 dân.

- Định hướng đầu nối từ bưu cục hiện hữu (trạm Thị Nghè) xây dựng các tuyến cáp chính đi dọc các trục đường giao thông đến các tủ cáp chính của khu quy hoạch.

- Mạng lưới Thông tin liên lạc được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch và đáp ứng nhu cầu thông tin thông suốt trong khu quy hoạch.

- Hệ thống các tủ cáp xây dựng mới sẽ được thể hiện trong các bước thiết kế tiếp theo, đảm bảo mỹ quan và dễ dàng trong công tác vận hành, sửa chữa.

8.7. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống:

Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

9. Về nội dung Đánh giá môi trường chiến lược:

Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị:

- Di dời và chuyển đổi mục đích sử dụng đất 2,74 ha diện tích đất cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường thuộc khu quy hoạch.

- Giải quyết vấn đề đảo nhiệt đô thị bằng giải pháp phát triển cây xanh, thảm thực vật tại các khu vực dọc theo rạch Thị Nghè, trồng cây xanh dọc các tuyến đường như tuyến đường Điện Biên Phủ.

- Chinh trang, cải tạo các khu vực lụp xụp, nâng cấp mở rộng các tuyến đường và đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đối với quy hoạch giao thông, san lấp nền (đây là khu vực thấp, hiện trạng thường xuyên xảy ra ngập và chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu) và cấp, thoát nước đều có tính đến việc thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Quy hoạch gìn giữ và duy tu các cơ sở tôn giáo hiện hữu với diện tích 3,91 ha.

- Tăng cường trồng cây xanh trong khu dân cư để nâng chỉ tiêu cây xanh lên $1\text{m}^2/\text{người}$.

- Nghiên cứu và xác định một số quy định cụ thể về môi trường để đưa vào “Quy định quản lý quy hoạch phân khu phường 17, quận Bình Thạnh”.

- Đối với rác thải: thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, thu gom chuyển đến khu vực xử lý chất thải.

- Đối với nước thải: toàn bộ nước thải phát sinh phải được thu gom và đưa về trạm xử lý lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè.

- Đề xuất danh mục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc khu quy hoạch:

+ Các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch có diện tích ≥ 5 ha.

+ Dự án xây dựng các trung tâm thương mại dịch vụ dọc tuyến đường Điện Biên Phủ có diện tích kinh doanh $\geq 500 \text{ m}^2$.

+ Các dự án công trình cao tầng với chức năng hỗn hợp thương mại dịch vụ và căn hộ có quy mô sử dụng ≥ 500 người hoặc ≥ 100 hộ.

+ Dự án xây dựng công trình có tầng hầm $> 10\text{m}$.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nghiên cứu và các số liệu đánh giá hiện trạng tính toán chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh chịu trách nhiệm và hồ sơ bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 17, quận Bình Thạnh.

- Để đảm bảo cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy mô dân số của đồ án và theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Bình Thạnh; trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện theo quy hoạch, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cần lưu ý việc kiểm soát và khống chế quy mô dân số trong phạm vi đồ án; theo đó, các dự án phát triển nhà ở cần có giải pháp để ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ.

- Để làm cơ sở quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, quản lý xây dựng và kiểm soát sự phát triển đô thị phù hợp với quy hoạch; sau khi đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 17, quận Bình Thạnh được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cần phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổ chức lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị tổng thể, phù hợp với nội dung đồ án.

7 - Đối với nội dung bản đồ đánh giá môi trường chiến lược và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 17, quận Bình Thạnh sẽ được cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị trình thẩm định và phê duyệt bổ sung sau khi Sở Tài nguyên và Môi trường

có hướng dẫn triển khai Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ, Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cần tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo Luật Quy hoạch đô thị và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức thực hiện công tác cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt đã được quy định tại Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị.

Điều 3. Quyết định này đính kèm thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 17, quận Bình Thạnh được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Giám đốc Ban Quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh; Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 17 và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND. TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên;
- Lưu:VT, (ĐTMT-N) H. 44



Nguyễn Hữu Tín

